

**Công ty Cổ phần Tập đoàn Ma San và  
các công ty con**

Báo cáo tài chính cho giai đoạn ba  
tháng kết thúc ngày 31 tháng 3 năm  
2011

**Công ty Cổ phần Tập đoàn Ma San**  
**Thông tin về Công ty**

**Giấy Chứng nhận Đăng ký No**  
**Kinh doanh số**

0303576603

ngày 20 tháng 10 năm 2010

Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh của Công ty đã được điều chỉnh nhiều lần, lần điều chỉnh gần nhất là ngày 20 tháng 10 năm 2010. Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh và các điều chỉnh do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp. Giấy chứng nhận Đăng ký kinh doanh lần đầu tiên số 4103002877 được cấp ngày 18 tháng 11 năm 2004.

**Hội đồng Quản trị**

Tiến sĩ Nguyễn Đăng Quang

Chủ tịch

Ông Hồ Hùng Anh

Phó Chủ tịch

Bà Nguyễn Hoàng Yến

Thành viên

Ông Nguyễn Thiều Nam

Thành viên

Ông Madhur Maini

Thành viên

Ông Lars Kjaer

Thành viên

**Trụ sở đăng ký**

Phòng 802, Central Plaza

17 Lê Duẩn

Phường Bến Nghé, Quận 1

Thành phố Hồ Chí Minh

Việt Nam

**Công ty Cổ phần Tập đoàn Ma San và các công ty con**  
**Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 3 năm 2011**

	Mã số	Thuyết minh	<u>Tập đoàn</u>		<u>Công ty</u>	
			31/3/2011	31/12/2010	31/3/2011	31/12/2010
			Triệu VNĐ	Triệu VNĐ	Triệu VNĐ	Triệu VNĐ
<b>TÀI SẢN</b>						
<b>Tài sản ngắn hạn</b>	<b>100</b>		<b>5.805.411</b>	<b>4.626.838</b>	<b>2.737.160</b>	<b>1.636.159</b>
<b>Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>110</b>	<b>3</b>	<b>3.703.168</b>	<b>3.394.575</b>	<b>1.485.174</b>	<b>1.037.261</b>
Tiền	111		3.703.168	1.155.118	1.485.174	1.037.261
Các khoản tương đương tiền	112		-	2.239.457	-	-
<b>Đầu tư ngắn hạn</b>	<b>120</b>	<b>10</b>	<b>1.261.000</b>	<b>490.000</b>	<b>500.000</b>	<b>-</b>
<b>Các khoản phải thu</b>	<b>130</b>		<b>461.907</b>	<b>314.209</b>	<b>742.305</b>	<b>592.463</b>
Phải thu khách hàng	131		78.831	64.125	-	-
Trả trước cho người bán	132		163.942	83.966	25.698	4.692
Phải thu khác	135	4	229.416	166.823	716.607	587.771
Dự phòng các khoản phải thu khó đòi	139		(10.282)	(705)	-	-
<b>Hàng tồn kho</b>	<b>140</b>	<b>5</b>	<b>330.615</b>	<b>290.200</b>	<b>-</b>	<b>-</b>
Hàng tồn kho	141		335.925	296.547	-	-
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(5.310)	(6.347)	-	-
<b>Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>		<b>48.721</b>	<b>137.854</b>	<b>9.681</b>	<b>6.435</b>
Chi phí trả trước ngắn hạn	151		8.884	10.131	417	262
Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		30.802	118.872	7.698	5.877
Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	154		-	2	-	-
Tài sản ngắn hạn khác	158		9.035	8.849	1.566	296

*Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của các báo cáo tài chính này*

**Công ty Cổ phần Tập đoàn Ma San và các công ty con**  
**Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 3 năm 2011 (tiếp theo)**

	Mã số	Thuyết minh	<u>Tập đoàn</u>		<u>Công ty</u>	
			31/3/2011	31/12/2010	31/3/2011	31/12/2010
			Triệu VND	Triệu VND	Triệu VND	Triệu VND
<b>Tài sản dài hạn</b>	<b>200</b>		<b>17.492.031</b>	<b>16.502.700</b>	<b>19.501.907</b>	<b>18.672.990</b>
<b>Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		<b>8.397.011</b>	<b>8.261.999</b>	<b>2.625</b>	<b>2.039</b>
Tài sản cố định hữu hình	221	6	555.685	561.229	745	251
<i>Nguyên giá</i>	222		800.438	777.268	803	269
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	223		(244.753)	(216.039)	(58)	(18)
Tài sản cố định hữu hình thuê tài chính	224	7	-	11.686	-	-
<i>Nguyên giá</i>	225		-	16.871	-	-
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	226		-	(5.185)	-	-
Tài sản cố định vô hình	227	8	71.413	72.564	214	219
<i>Nguyên giá</i>	228		85.703	85.882	234	234
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	229		(14.290)	(13.318)	(20)	(15)
Xây dựng cơ bản dở dang	230	9	7.769.913	7.616.520	1.666	1.569
<b>Đầu tư dài hạn</b>	<b>250</b>	<b>10</b>	<b>8.966.134</b>	<b>8.099.909</b>	<b>19.490.421</b>	<b>18.661.978</b>
Đầu tư vào các công ty con	251		-	-	10.557.997	10.557.997
Đầu tư vào công ty liên kết	252		8.966.134	8.099.909	8.932.424	8.103.981
<b>Tài sản dài hạn khác</b>	<b>260</b>		<b>128.886</b>	<b>140.792</b>	<b>8.861</b>	<b>8.973</b>
Chi phí trả trước dài hạn	261		70.835	70.771	8.618	8.730
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		35.780	49.154	-	-
Tài sản dài hạn khác	268		18.847	17.295	243	243
Lợi thế thương mại	269	11	3.424	3.572	-	-
<b>TỔNG TÀI SẢN</b>	<b>270</b>		<b>23.297.442</b>	<b>21.129.538</b>	<b>22.239.067</b>	<b>20.309.149</b>

*Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của các báo cáo tài chính này*

**Công ty Cổ phần Tập đoàn Ma San và các công ty con**  
**Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 3 năm 2011 (tiếp theo)**

	Mã số	Thuyết minh	Tập đoàn		Công ty	
			31/3/2011	31/12/2010	31/3/2011	31/12/2010
			Triệu VNĐ	Triệu VNĐ	Triệu VNĐ	Triệu VNĐ
<b>NGUỒN VỐN</b>						
<b>NỢ PHẢI TRẢ</b>	<b>300</b>		<b>7.916.748</b>	<b>8.981.050</b>	<b>4.282.468</b>	<b>3.138.393</b>
<b>Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>2.027.040</b>	<b>3.224.917</b>	<b>2.271.378</b>	<b>1.180.433</b>
Vay và nợ ngắn hạn	311		1.017.575	1.124.674	2.000.000	-
Phải trả khách hàng	312		399.432	443.583	17.352	20.728
Người mua trả tiền trước	313		21.146	7.997	-	-
Thuế phải nộp Nhà nước	314	12	66.820	152.842	876	1.360
Phải trả nhân viên	315		16.833	5.395	15	27
Chi phí phải trả	316	13	506.583	502.838	252.886	175.667
Phải trả khác	319	14	5.858	987.588	249	982.651
Quỹ khen thưởng và phúc lợi	323		(7.207)	-	-	-
<b>Vay và nợ dài hạn</b>	<b>330</b>		<b>5.889.708</b>	<b>5.756.133</b>	<b>2.011.090</b>	<b>1.957.960</b>
Vay và nợ dài hạn	334		5.134.297	5.000.560	2.011.090	1.957.960
Nợ thuế thu nhập hoãn lại	335		751.021	751.021	-	-
Dự phòng trợ cấp thôi việc	336	15	4.390	4.552	-	-
<b>VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>	<b>400</b>		<b>12.022.020</b>	<b>10.623.685</b>	<b>17.956.599</b>	<b>17.170.756</b>
<b>Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>		<b>12.022.020</b>	<b>10.623.685</b>	<b>17.956.599</b>	<b>17.170.756</b>
Vốn cổ phần	411	16	5.152.723	5.152.723	5.152.723	5.152.723
Thặng dư vốn cổ phần	412	16	2.166.136	2.166.136	2.166.136	2.166.136
Vốn khác của chủ sở hữu	413	17	10.462.804	9.651.713	10.462.804	9.651.713
Chênh lệch tỷ giá hối đoái	416		(23.736)	3.189	-	-
Vốn khác	419		(8.785.731)	(9.062.082)	-	-
Lợi nhuận chưa phân phối	420		3.049.824	2.712.006	174.936	200.184
<b>LỢI ÍCH CỔ ĐÔNG THIỂU SỐ</b>	<b>439</b>		<b>3.358.674</b>	<b>1.524.803</b>	<b>-</b>	<b>-</b>
<b>TỔNG NGUỒN VỐN</b>	<b>440</b>		<b>23.297.442</b>	<b>21.129.538</b>	<b>22.239.067</b>	<b>20.309.149</b>

Người lập:

*Luhal*

Tạ Thị Thùy Trang  
Kế toán trưởng

Người duyệt:



Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của các báo cáo tài chính này

**Công ty Cổ phần Tập đoàn Ma San và các công ty con**

**Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh cho giai đoạn ba tháng kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2011**

	Mã số	Thuyết minh	<u>Tập đoàn</u>				<u>Công ty</u>	
			Từ 1/1/2011 đến 31/3/2011	Từ 1/1/2010 đến 31/3/2010	Giả định 1/1/2011 đến 31/3/2011	Giả định 1/1/2010 đến 31/3/2010	Từ 1/1/2011 đến 31/3/2011	Từ 1/1/2010 đến 31/3/2010
			Triệu VNĐ	Triệu VNĐ	Triệu VNĐ	Triệu VNĐ	Triệu VNĐ	Triệu VNĐ
<b>Tổng doanh thu</b>	<b>01</b>		<b>1.338.940</b>	<b>896.541</b>	<b>1.338.940</b>	<b>896.541</b>	-	-
<b>Các khoản giảm trừ</b>	<b>02</b>	<b>18</b>	<b>(13.018)</b>	<b>(34.165)</b>	<b>(13.018)</b>	<b>(34.165)</b>	-	-
<b>Doanh thu thuần</b>	<b>10</b>		<b>1.325.922</b>	<b>862.376</b>	<b>1.325.922</b>	<b>862.376</b>	-	-
<b>Giá vốn hàng bán</b>	<b>11</b>		<b>(758.816)</b>	<b>(539.753)</b>	<b>(758.816)</b>	<b>(539.753)</b>	-	-
<b>Lợi nhuận gộp</b>	<b>20</b>		<b>567.106</b>	<b>322.623</b>	<b>567.106</b>	<b>322.623</b>		
Doanh thu hoạt động tài chính	21	19	186.891	65.360	186.891	65.360	86.995	36.178
Chi phí tài chính	22	20	(139.299)	(49.615)	(139.299)	(49.615)	(104.528)	(23.625)
Chi phí bán hàng	24		(176.128)	(187.227)	(176.128)	(187.227)	-	-
Chi phí quản lý doanh nghiệp	25		(43.056)	(23.683)	(43.056)	(23.683)	(7.715)	(3.333)
<b>Lợi nhuận/(lỗ) thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>30</b>		<b>395.514</b>	<b>127.458</b>	<b>395.514</b>	<b>127.458</b>	<b>(25.248)</b>	<b>9.220</b>
Kết quả của các hoạt động khác	<b>40</b>							
Thu nhập khác	31	21	7.187	4.428	7.187	4.428	-	-
Chi phí khác	32	22	(6.586)	(4.280)	(6.586)	(4.280)	-	-
<b>Lợi nhuận từ công ty liên kết</b>	<b>41</b>	<b>23</b>	<b>37.782</b>	<b>13.006</b>	<b>181.831</b>	<b>76.494</b>	-	-
<b>Lợi nhuận/(lỗ) trước thuế (mang sang trang sau)</b>	<b>50</b>		<b>433.897</b>	<b>140.612</b>	<b>577.946</b>	<b>204.100</b>	<b>(25.248)</b>	<b>9.220</b>

*Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của các báo cáo tài chính này*

**Công ty Cổ phần Tập đoàn Ma San và các công ty con**

**Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh cho giai đoạn ba tháng kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2011 (tiếp theo)**

	Mã số	Thuyết minh	Tập đoàn				Công ty	
			Từ 1/1/2011 đến 31/3/2011	Từ 1/1/2010 đến 31/3/2010	Giả định 1/1/2011 đến 31/3/2011	Giả định 1/1/2010 đến 31/3/2010	Từ 1/1/2011 đến 31/3/2011	Từ 1/1/2010 đến 31/3/2010
			Triệu VNĐ	Triệu VNĐ	Triệu VNĐ	Triệu VNĐ	Triệu VNĐ	Triệu VNĐ
Lợi nhuận/(lỗ) trước thuế (mang từ trang trước sang)	50		433.897	140.612	577.946	204.100	(25.248)	9.220
Chi phí thuế thu nhập hiện hành	51	24	(45.039)	(15.007)	(45.039)	(15.007)	-	-
Chi phí thuế thu nhập hoãn lại	52		-	(1.199)	-	(1.199)	-	-
<b>Lợi nhuận/(lỗ) thuần</b>	<b>60</b>		<b>388.858</b>	<b>124.406</b>	<b>532.907</b>	<b>187.894</b>	<b>(25.248)</b>	<b>9.220</b>
<b>Phân bổ cho:</b>								
Cổ đông thiểu số	61		51.040	27.835	51.040	27.835	-	-
Cổ đông vốn chủ sở hữu của Công ty	62		337.818	96.571	481.867	160.059	(25.248)	9.220
<b>Lãi trên cổ phiếu</b>								
Lãi cơ bản trên cổ phiếu bằng VNĐ	70	25	656	199	935	330	-	-

Người lập:

*Lahal*

Tạ Thị Thùy Trang  
Kế toán trưởng

Người duyệt:



Nguyễn Đăng Quang  
Chủ tịch

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của các báo cáo tài chính này

**Công ty Cổ phần Tập đoàn Ma San và các công ty con**

**Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho giai đoạn ba tháng kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2011**

	Mã số	Thuyết minh	Tập đoàn		Công ty	
			Từ 1/1/2011 đến 31/3/2011 Triệu VNĐ	Từ 1/1/2010 đến 31/3/2010 Triệu VNĐ	Từ 1/1/2011 đến 31/3/2011 Triệu VNĐ	Từ 1/1/2010 đến 31/3/2010 Triệu VNĐ
<b>LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH</b>						
<b>Lợi nhuận/(lỗ) trước thuế</b>	<b>01</b>		<b>433.897</b>	<b>140.612</b>	<b>(25.248)</b>	<b>9.220</b>
<b>Điều chỉnh cho</b>						
Khấu hao và phân bổ	02		29.503	82.074	547	-
Các khoản dự phòng	03		-	(3.099)	-	-
Chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	04		12.131	(246)	12.131	(246)
Lỗ từ thanh lý tài sản cố định và tài sản dài hạn khác	05		9	-	-	-
Thu nhập lãi tiền gửi và cổ tức	05		(135.034)	(40.864)	(36.239)	(12.308)
Chi phí lãi vay	06		83.947	43.847	51.493	23.625
Lợi nhuận từ công ty liên kết	07		(37.782)	(13.006)	-	-
<b>Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước những thay đổi vốn lưu động</b>	<b>08</b>		<b>386.671</b>	<b>209.318</b>	<b>2.684</b>	<b>20.291</b>
Biến động các khoản phải thu và tài sản ngắn hạn khác	09		(247.041)	(93.113)	(155.248)	(29.622)
Biến động hàng tồn kho	10		(39.379)	(78.211)	-	-
Biến động các khoản phải trả và nợ khác	11		(896.184)	(31.403)	(943.507)	(722)
Biến động chi phí trả trước	12		(1.130)	(455)	-	-
			<b>(797.063)</b>	<b>6.136</b>	<b>(1.096.072)</b>	<b>(10.053)</b>
Tiền lãi vay đã trả	13		(37.954)	(20.222)	-	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14		(114.788)	(57.005)	-	-
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	16		(3.744)	(3.331)	-	-
<b>Tiền thuần chi cho các hoạt động kinh doanh</b>	<b>20</b>		<b>(953.549)</b>	<b>(74.422)</b>	<b>(1.096.072)</b>	<b>(10.053)</b>

*Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của các báo cáo tài chính này*



**Công ty Cổ phần Tập đoàn Ma San và các công ty con**  
**Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho giai đoạn ba tháng kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2011**  
**(tiếp theo)**

	Mã số	Thuyết minh	<u>Tập đoàn</u>		<u>Công ty</u>	
			Từ 1/1/2011 đến 31/3/2011 Triệu VNĐ	Từ 1/1/2010 đến 31/3/2010 Triệu VNĐ	Từ 1/1/2011 đến 31/3/2011 Triệu VNĐ	Từ 1/1/2010 đến 31/3/2010 Triệu VNĐ
<b>LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ</b>						
Tiền chi mua tài sản cố định và tài sản dài hạn khác	21		(163.864)	(124.626)	(1.021)	(336)
Tiền thu từ thanh lý tài sản cố định và tài sản dài hạn khác	22		-	18.006	-	-
Đầu tư vào các công ty liên kết	23		(17.352)	-	(17.352)	-
Khoản vay cấp cho các bên liên quan	23		-	(1.106.000)	-	-
Tiền thu hồi các khoản vay từ các bên liên quan	23		-	600.000	-	-
Tiền chi ký quỹ và mua các công cụ nợ	24		(771.000)	-	(500.000)	-
Tiền thu từ bán khoản đầu tư dài hạn khác	26		-	336	-	-
Tiền thu lãi cho vay và cổ tức	27		110.106	26.594	38.399	5.055
<b>Tiền thuần (chi cho)/thu từ hoạt động đầu tư</b>	<b>30</b>		<b>(842.110)</b>	<b>(585.690)</b>	<b>(479.974)</b>	<b>4.719</b>

*Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của các báo cáo tài chính này*

**Công ty Cổ phần Tập đoàn Ma San và các công ty con**  
**Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho giai đoạn ba tháng kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2011**  
**(tiếp theo)**

	Mã số	Thuyết minh	Tập đoàn		Công ty	
			Từ 1/1/2011 đến 31/3/2011 Triệu VND	Từ 1/1/2010 đến 31/3/2010 Triệu VND	Từ 1/1/2011 đến 31/3/2011 Triệu VND	Từ 1/1/2010 đến 31/3/2010 Triệu VND
<b>LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH</b>						
Tiền thu từ phát hành cổ phiếu	31		2.102.529	-	-	-
Tiền thu từ vay ngắn và dài hạn	33		382.982	374.462	2.000.000	-
Tiền chi trả nợ gốc vay	34		(405.225)	(352.910)	-	-
<b>Tiền thuần thu từ các hoạt động tài chính</b>	<b>40</b>		<b>2.080.286</b>	<b>21.552</b>	<b>2.000.000</b>	<b>-</b>
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ	50		284.627	(638.560)	423.954	(5.334)
Tiền và các khoản tương đương tiền đầu kỳ	60		3.394.575	1.123.616	1.037.261	364.265
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái đối với tiền và các khoản tương đương tiền	61		23.966	246	23.959	246
<b>Tiền và các khoản tương đương tiền cuối kỳ</b>	<b>70</b>	<b>5</b>	<b>3.703.168</b>	<b>485.302</b>	<b>1.485.174</b>	<b>359.177</b>

Người lập:

*Lahal*

Tạ Thị Thùy Trang  
Kế toán trưởng

Người duyệt:



Nguyễn Đăng Quang  
Chủ tịch

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của các báo cáo tài chính này

## **Công ty Cổ phần Tập đoàn Ma San và các công ty con**

### **Thuyết minh báo cáo tài chính cho giai đoạn ba tháng kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2011**

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các báo cáo tài chính đính kèm.

#### **1. Đơn vị báo cáo**

Công ty Cổ phần Tập đoàn Ma San (“Công ty”) là công ty cổ phần được thành lập tại Việt Nam. Hoạt động chính của Công ty là tư vấn quản lý và tư vấn đầu tư. .

Báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm của Công ty và các công ty con (dưới đây được gọi chung là “Tập đoàn”) và lợi ích của Tập đoàn trong một công ty liên kết.

Các hoạt động chính của các công ty con được mô tả dưới đây bao gồm:

<b>Tên</b>	<b>Hoạt động chính</b>	<b>Phần trăm sở hữu tại</b>	
		<b>31/3/2011</b>	<b>31/12/2010</b>
Công ty TNHH Một Thành viên Tư vấn Hoa Bằng Lăng	Tư vấn quản lý	100%	100%
Công ty TNHH Một Thành viên Tư vấn Hoa Phong Lan	Tư vấn quản lý	100%	100%
Công ty TNHH Một Thành viên Tư Vấn Hoa Đồng Tiền	Tư vấn quản lý	100%	100%
Công ty TNHH Một Thành viên Hoa Thược Dược	Tư vấn quản lý	100%	100%
Công ty TNHH Một Thành viên Thương Mại và Đầu tư Thái Nguyên	Tư vấn quản lý	100%	100%
Công ty Cổ phần Hàng Tiêu dùng Ma San	Kinh doanh và phân phối	86,6%	86.6%
Công ty Cổ phần Công nghiệp Ma San	Sản xuất nước chấm và mì ăn liền	86,6%	86.6%
Công ty Cổ phần Công nghệ Thực phẩm Việt Tiến	Sản xuất nước chấm	86,6%	86.6%
Công ty Cổ phần Ma San HD	Sản xuất nước chấm và mì ăn liền	86,6%	86.6%
Công ty Cổ phần Ma San PQ	Sản xuất nước chấm	81,8%	81.8%
Công ty Cổ phần Bao bì Minh Việt	Sản xuất bao bì	86,6%	86.6%
Công ty Cổ Phần Tâm Nhìn Ma San	Tư vấn quản lý	100%	100%
Công ty Cổ Phần Tài Nguyên Ma San	Tư vấn quản lý	65%	80%

**Công ty Cổ phần Tập đoàn Ma San và các công ty con**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính cho giai đoạn ba tháng kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2011 (tiếp theo)**

Công ty TNHH Một Thành  
Viên Tài Nguyên Ma San Thái  
Nguyên

Tư vấn quản lý 65% 80%

Công ty TNHH Khai Thác Chế  
Biển Khoáng Sản Núi Pháo

Khai thác quặng 65% 80%

Tất cả các công ty con được thành lập tại Việt Nam.

Phần trăm các lợi ích kinh tế phản ánh phần trăm các lợi ích kinh tế của Công ty trực tiếp và gián tiếp thực tế trong các công ty con.

## **2. Tóm tắt những chính sách kế toán chủ yếu**

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Tập đoàn và Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính này.

### **(a) Cơ sở lập báo cáo tài chính**

#### **(i) Cơ sở kế toán chung**

Báo cáo tài chính trình bày bằng Đồng Việt Nam làm tròn tới hàng triệu (“Triệu VNĐ”), được lập theo Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Hệ thống Kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan.

Báo cáo tài chính, ngoại trừ báo cáo lưu chuyển tiền tệ, được lập trên cơ sở dồn tích theo nguyên tắc giá gốc. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ được lập theo phương pháp gián tiếp.

**Công ty Cổ phần Tập đoàn Ma San và các công ty con**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính cho giai đoạn ba tháng kết thúc ngày 31 tháng 3 năm**  
**2011 (tiếp theo)**

**(ii) Cơ sở hợp nhất**

***Hợp nhất kinh doanh chịu sự kiểm soát chung***

Hợp nhất kinh doanh mà trong đó các công ty chịu sự kiểm soát chung bởi cùng một nhóm cổ đông (“Cổ đông Kiểm soát”) trước và sau khi hợp nhất phù hợp với định nghĩa hợp nhất kinh doanh chịu sự kiểm soát chung vì có sự nối tiếp rủi ro và quyền lợi của Cổ đông Kiểm soát. Hợp nhất kinh doanh chịu sự kiểm soát chung này đặc biệt nằm ngoài phạm vi của Chuẩn mực kế toán số 11- *Hợp nhất kinh doanh* và trong sự chọn lựa chính sách kế toán liên quan đến các giao dịch này, Tập đoàn đã cân nhắc Chuẩn mực kế toán số 01- *Chuẩn mực chung* và Chuẩn mực kế toán số 21- *Trình bày báo cáo tài chính*. Dựa trên các chuẩn mực này, Tập đoàn đã áp dụng cơ sở kế toán sáp nhập (“nguyên tắc mang sang toàn bộ”). Tài sản và nợ phải trả của các công ty được hợp nhất theo giá trị sổ sách hiện tại dưới khía cạnh nhìn nhận của Cổ đông Kiểm soát. Bất kỳ chênh lệch giữa chi phí mua và giá trị thuần của tài sản được sáp nhập được xem như là sự phân bổ vốn hoặc góp vốn giá định từ các cổ đông và được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, báo cáo thay đổi vốn chủ sở hữu hợp nhất và báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất bao gồm kết quả hoạt động kinh doanh của các công ty được hợp nhất như thể cấu trúc của tập đoàn hiện tại đã tồn tại xuyên suốt toàn bộ giai đoạn đề cập trong báo cáo này dưới góc độ của Cổ đông Kiểm soát (hoặc từ lúc các công ty được hợp nhất vào ngày sau ngày bắt đầu của kỳ báo cáo gần nhất, cho kỳ từ ngày hợp nhất đến hết ngày kết thúc kỳ báo cáo tương ứng). Bảng cân đối kế toán hợp nhất của Tập đoàn đã được trình bày để phản ánh tình trạng của các công ty được hợp nhất vào các ngày tương ứng.

***Hợp nhất kinh doanh không chịu sự kiểm soát chung***

Tất cả các hợp nhất kinh doanh không chịu kiểm soát chung được hạch toán bằng cách áp dụng phương pháp mua tại ngày mua, là ngày mà sự kiểm soát đã được chuyển giao cho tập đoàn. Sự kiểm soát là quyền chi phối các chính sách tài chính và hoạt động của doanh nghiệp nhằm thu được lợi ích kinh tế từ các hoạt động của doanh nghiệp đó. Khi xem xét sự kiểm soát, Tập đoàn phải xem xét quyền biểu quyết tiềm tàng mà có thể thực hiện được ở hiện tại.

Theo phương pháp mua, tài sản và các khoản nợ phải trả của công ty được mua sử dụng giá trị hợp lý khi hợp nhất. Giá mua bao gồm tổng giá trị hợp lý của các tài sản đem trao đổi, các khoản nợ phải trả đã phát sinh hoặc đã thừa nhận và các công cụ vốn chủ sở hữu phát hành bởi Tập đoàn tại ngày trao đổi. Lợi thế thương mại là phần chênh lệch giữa chi phí mua và lợi ích trong giá trị hợp lý thuần của các tài sản, nợ phải trả và nợ tiềm tàng của công ty được mua. Khoản chênh lệch âm, được ghi nhận ngay vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

Các chi phí giao dịch, ngoại trừ các chi phí liên quan đến việc phát hành công cụ nợ hoặc chứng khoán vốn, mà Tập đoàn phát sinh khi hợp nhất kinh doanh bao gồm các chi phí liên quan trực tiếp đến việc hợp nhất kinh doanh, như chi phí trả cho tư vấn tài chính, tư vấn pháp lý, thẩm định viên về giá và các nhà tư vấn liên quan đến hợp nhất kinh doanh. Các chi phí giao dịch này được tính vào giá phí hợp nhất kinh doanh. Các chi phí quản lý chung và các chi phí khác không liên quan trực tiếp đến giao dịch hợp nhất kinh doanh cụ thể đang được ghi nhận thì không được tính vào chi phí mua, mà được ghi nhận là chi phí phát sinh trong kỳ.

## **Công ty Cổ phần Tập đoàn Ma San và các công ty con**

### **Thuyết minh báo cáo tài chính cho giai đoạn ba tháng kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2011 (tiếp theo)**

#### **(iii) Công ty con**

Các công ty con là các công ty chịu sự kiểm soát của Tập đoàn. Sự kiểm soát này tồn tại khi Tập đoàn có quyền chi phối các chính sách tài chính và hoạt động của một doanh nghiệp nhằm thu được lợi ích kinh tế từ các hoạt động của doanh nghiệp đó. Khi đánh giá quyền kiểm soát, có tính đến quyền bỏ phiếu tiềm năng có thể thực hiện được tại thời điểm hiện tại. Các báo cáo tài chính của các công ty con đã được bao gồm trong báo cáo tài chính hợp nhất kể từ ngày quyền kiểm soát bắt đầu có hiệu lực đến ngày quyền kiểm soát chấm dứt.

#### **(iv) Các công ty liên kết (các đơn vị nhận đầu tư được kế toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu)**

Các công ty liên kết là những công ty mà Tập đoàn có sự ảnh hưởng đáng kể nhưng không kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động kinh doanh của công ty. Sự ảnh hưởng đáng kể này được giả định tồn tại khi Tập đoàn nắm giữ từ 20% đến 50% quyền biểu quyết của một công ty khác. Các công ty liên kết được hạch toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu (các đơn vị nhận đầu tư được hạch toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu) trong báo cáo tài chính hợp nhất và được ghi nhận ban đầu theo giá gốc. Đầu tư vào các công ty liên kết của Tập đoàn bao gồm lợi thế thương mại được xác định tại thời điểm mua trừ đi hao mòn lũy kế của lợi thế thương mại. Các báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm phần mà Tập đoàn được hưởng trong thu nhập và chi phí của đơn vị nhận đầu tư được hạch toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu, sau khi được điều chỉnh theo chính sách kế toán của Tập đoàn, kể từ ngày bắt đầu sự ảnh hưởng đáng kể cho đến ngày kết thúc sự ảnh hưởng đáng kể. Khi phần sở hữu của Tập đoàn trong khoản lỗ của công ty liên kết vượt quá giá trị ghi sổ của khoản đầu tư của Tập đoàn trong đơn vị nhận đầu tư được hạch toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu, thì giá trị ghi sổ của khoản đầu tư đó (bao gồm các khoản đầu tư dài hạn, nếu có) sẽ được ghi giảm tới bằng không và Tập đoàn không phải tiếp tục ghi nhận các khoản lỗ phát sinh sau đó trừ khi Tập đoàn có nghĩa vụ phải thanh toán hay đã thanh toán thay cho đơn vị nhận đầu tư.

#### **(v) Lợi ích của cổ đông thiểu số**

Việc mua lợi ích của cổ đông thiểu số sau khi kiểm soát hoặc chuyển nhượng cổ phần cho cổ đông thiểu số trong một công ty con mà không dẫn đến mất quyền kiểm soát, phần chênh lệch giữa giá mua hoặc tiền thu được do chuyển nhượng và giá trị ghi sổ của tài sản thuần mua được hoặc chuyển nhượng tại ngày giao dịch được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

#### **(vi) Các giao dịch được loại trừ khi hợp nhất**

Các số dư trong nội bộ tập đoàn và các khoản thu nhập và chi phí chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch nội bộ được loại trừ khi lập báo cáo tài chính hợp nhất. Các khoản lãi và lỗ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch với công ty liên kết được trừ vào khoản đầu tư trong phạm vi lợi ích của Tập đoàn tại công ty được đầu tư.

#### **(b) Năm tài chính**

Năm tài chính của Công ty từ ngày 1 tháng 1 đến ngày 31 tháng 12.

## **Công ty Cổ phần Tập đoàn Ma San và các công ty con**

### **Thuyết minh báo cáo tài chính cho giai đoạn ba tháng kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2011 (tiếp theo)**

#### **(c) Các giao dịch bằng ngoại tệ**

Các khoản mục tài sản và nợ phải trả có gốc bằng đơn vị tiền tệ khác VND được quy đổi sang VND theo tỷ giá hối đoái của ngày kết thúc niên độ kế toán. Các giao dịch bằng các đơn vị tiền khác VND trong giai đoạn được quy đổi sang VND theo tỷ giá hối đoái xấp xỉ tỷ giá hối đoái tại ngày giao dịch.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá hối đoái được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trừ khi các chênh lệch này liên quan đến hoạt động xây dựng các tài sản cố định hữu hình hay chuyển đổi các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ phát sinh trong giai đoạn trước hoạt động của công ty con, khi đó các khoản chênh lệch này được ghi nhận vào Tài khoản Chênh lệch Tỷ giá Hối đoái thuộc nguồn vốn chủ sở hữu cho đến khi công ty con bắt đầu hoạt động và các tài sản cố định hữu hình này bắt đầu được đưa vào sử dụng. Khi công ty con bắt đầu hoạt động và các tài sản cố định hữu hình này bắt đầu được đưa vào sử dụng, các chênh lệch tỷ giá hối đoái đã thực hiện có liên quan được kết chuyển toàn bộ vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, lãi chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện được kết chuyển vào Tài khoản Doanh thu chưa thực hiện và lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện được kết chuyển vào Tài khoản Trả trước dài hạn. Các khoản lãi và lỗ chưa thực hiện này được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong vòng năm năm.

#### **(d) Tiền và các khoản tương đương tiền**

Tiền bao gồm tiền mặt và tiền gửi không kỳ hạn. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có tính thanh khoản cao có thể dễ dàng chuyển đổi thành khoản tiền xác định trước, ít rủi ro về thay đổi giá trị và được giữ nhằm đáp ứng nhu cầu thanh toán ngắn hạn hơn là cho mục đích đầu tư hay các mục đích khác.

#### **(e) Các khoản đầu tư**

Các khoản đầu tư bằng hình thức tiền gửi có kỳ hạn và công cụ nợ; khoản đầu tư vào công cụ vốn chủ sở hữu của các đơn vị mà Tập đoàn không kiểm soát hoặc ảnh hưởng trọng yếu trong báo cáo tài chính hợp nhất; và các khoản đầu tư vào tất cả các công cụ vốn chủ sở hữu trong báo cáo tài chính riêng được ghi nhận theo nguyên giá. Dự phòng giảm giá đầu tư được lập khi Ban Giám đốc cho rằng việc giảm giá này không mang tính tạm thời. Dự phòng sẽ được hoàn nhập khi việc tăng lên sau đó của giá trị có thể thu hồi là do sự kiện khách quan xảy ra sau khi khoản dự phòng được lập. Dự phòng chỉ được hoàn nhập trong phạm vi sao cho giá trị ghi sổ của các khoản đầu tư không vượt quá giá trị ghi sổ của các khoản đầu tư này trong trường hợp không có khoản dự phòng nào đã được ghi nhận.

#### **(f) Các khoản phải thu**

Các khoản phải thu thương mại và các khoản phải thu khác được phản ánh theo nguyên giá trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

## **Công ty Cổ phần Tập đoàn Ma San và các công ty con**

### **Thuyết minh báo cáo tài chính cho giai đoạn ba tháng kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2011 (tiếp theo)**

#### **(g) Hàng tồn kho**

Hàng tồn kho được phản ánh theo giá trị bằng với số thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và bao gồm tất cả các chi phí liên quan phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Đối với thành phẩm và sản phẩm dở dang, giá gốc bao gồm chi phí nguyên vật liệu, chi phí nhân công trực tiếp và các chi phí sản xuất chung đã được phân bổ. Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của sản phẩm tồn kho, trừ đi chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và chi phí bán hàng ước tính.

Tập đoàn áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho.

#### **(h) Tài sản cố định hữu hình**

##### **(i) Nguyên giá**

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá ban đầu của tài sản cố định hữu hình gồm giá mua của tài sản, bao gồm cả thuế nhập khẩu, các loại thuế đầu vào không được hoàn lại và chi phí liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái và vị trí hoạt động cho mục đích sử dụng dự kiến. Các chi phí phát sinh sau khi tài sản cố định hữu hình đã đi vào hoạt động như chi phí sửa chữa, bảo dưỡng và đại tu thường được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh của giai đoạn phát sinh chi phí. Trong các trường hợp có thể chứng minh một cách rõ ràng rằng các khoản chi phí này làm lợi ích kinh tế trong tương lai dự tính thu được do việc sử dụng tài sản cố định hữu hình tăng trên mức hoạt động tiêu chuẩn đã được đánh giá ban đầu, thì các chi phí này được vốn hoá như một khoản tăng nguyên giá của tài sản cố định hữu hình.

##### **(ii) Khấu hao**

Khấu hao được tính theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của tài sản cố định hữu hình. Thời gian hữu dụng ước tính như sau:

▪ nhà cửa và cấu trúc	5-25 năm
▪ nâng cấp tài sản thuê	3-5 năm
▪ thiết bị văn phòng	3-6 năm
▪ máy móc và thiết bị	3-12 năm
▪ phương tiện vận chuyển	3-6 năm

##### **(i) Tài sản cố định hữu hình thuê tài chính**

Các hợp đồng thuê được phân loại là thuê tài chính nếu theo các điều khoản của hợp đồng, Tập đoàn đã nhận phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu. Tài sản cố định hữu hình dưới hình thức thuê tài chính được thể hiện bằng số tiền tương đương với số thấp hơn giữa giá trị hợp lý của tài sản cố định và giá trị hiện tại của các khoản tiền thuê tối thiểu, tính tại thời điểm bắt đầu thuê, trừ đi khấu hao lũy kế.

Khấu hao của tài sản thuê tài chính được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của tài sản thuê tài chính. Thời gian hữu dụng ước tính của tài sản thuê tài chính nhất quán với thời gian hữu dụng ước tính của tài sản cố định hữu hình được nêu trong phần chính sách kế toán 2(h).



## **Công ty Cổ phần Tập đoàn Ma San và các công ty con**

### **Thuyết minh báo cáo tài chính cho giai đoạn ba tháng kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2011 (tiếp theo)**

#### **(j) Tài sản cố định vô hình**

##### **(i) Quyền sử dụng đất**

Quyền sử dụng đất được phản ánh theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá ban đầu của quyền sử dụng đất bao gồm giá mua quyền sử dụng đất và toàn bộ các chi phí trực tiếp phát sinh liên quan đến việc đảm bảo quyền sử dụng đất. Khấu hao được tính theo phương pháp đường thẳng từ 40 đến 47 năm.

##### **(ii) Phần mềm vi tính**

Giá mua của phần mềm vi tính mới mà phần mềm vi tính này không là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan thì được vốn hóa và hạch toán như tài sản cố định vô hình. Phần mềm vi tính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong vòng bốn năm.

##### **(iii) Thương hiệu**

Nguyên giá mua của thương hiệu được vốn hóa và ghi nhận như tài sản cố định vô hình. Thương hiệu được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong vòng năm năm.

#### **(k) Xây dựng cơ bản dở dang**

Xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các khoản chi phí xây dựng và máy móc chưa được hoàn thành hoặc chưa lắp đặt xong và tài sản khoáng sản chưa khai thác. Không tính khấu hao cho xây dựng cơ bản dở dang trong quá trình xây dựng và lắp đặt.

Tài sản khoáng sản chưa khai thác bao gồm giá trị hợp lý của trữ lượng khoáng sản, các chi phí liên quan đến việc triển khai trữ lượng này đã phát sinh trong hợp nhất kinh doanh và các chi phí triển khai phát sinh sau này. Những tài sản này đủ điều kiện để được vốn hóa khi trữ lượng khoáng sản liên quan đã được chứng minh là có tính khả thi về lợi ích kinh tế và kỹ thuật. Những tài sản này ban đầu được ghi nhận theo giá trị hợp lý như một phần của giao dịch hợp nhất kinh doanh và các chi phí triển khai liên quan đến việc khai thác sau đó sẽ được vốn hóa sau khi cần trừ tiền thu về từ việc bán khoáng sản khai thác trong giai đoạn triển khai. Sau khi hoàn thành việc phát triển, thời điểm xác định là khi sản phẩm có thể bán bắt đầu được khai thác từ mỏ, tất cả các tài sản này được phân loại thành tài sản cố định hữu hình.

#### **(l) Chi phí trả trước dài hạn**

##### **(i) Chi phí trả trước hoạt động**

Chi phí trả trước hoạt động được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, trừ các chi phí thành lập, cũng như các chi tiêu cho các hoạt động đào tạo, quảng cáo và khuyến mãi phát sinh từ ngày thành lập cho đến ngày bắt đầu hoạt động kinh doanh. Các chi phí này được ghi nhận như chi phí trả trước dài hạn, được ghi nhận ban đầu theo nguyên giá, và được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong vòng ba năm kể từ ngày bắt đầu hoạt động kinh doanh.

**Công ty Cổ phần Tập đoàn Ma San và các công ty con**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính cho giai đoạn ba tháng kết thúc ngày 31 tháng 3 năm**  
**2011 (tiếp theo)**

**(ii) Chi phí đất trả trước**

Chi phí đất trả trước bao gồm tiền thuê đất trả trước và các chi phí phát sinh khác liên quan đến việc bảo đảm cho việc sử dụng đất thuê. Các chi phí này được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời hạn của hợp đồng thuê đất từ 47 đến 50 năm.

**(iii) Công cụ, dụng cụ và trực in**

Công cụ, dụng cụ và trực in được phản ánh theo nguyên giá và được phân bổ theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời hạn sử dụng từ sáu tháng đến hai năm.

**(iv) Chi phí vay**

Chi phí hình thành khoản cho vay liên quan đến các khoản vay dài hạn và được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian vay.

**(m) Lợi thế thương mại**

Lợi thế thương mại phát sinh từ việc hợp nhất kinh doanh không chịu sự kiểm soát chung do mua lại công ty con, công ty liên kết và công ty liên doanh.

Lợi thế thương mại được phản ánh theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế. Lợi thế thương mại được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong vòng 10 năm. Khi kế toán các khoản đầu tư được hạch toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu, giá trị ghi sổ của lợi thế thương mại được bao gồm trong giá trị ghi sổ của khoản đầu tư.

**(n) Các khoản phải trả thương mại và phải trả khác**

Các khoản phải trả thương mại và phải trả khác được phản ánh theo nguyên giá.

**(o) Dự phòng**

Dự phòng được ghi nhận nếu, do kết quả của một sự kiện trong quá khứ, Tập đoàn có nghĩa vụ pháp lý hiện tại hoặc nghĩa vụ tiềm tàng đang hình thành có thể ước tính một cách tin cậy, và chắc chắn sẽ làm giảm sút các lợi ích kinh tế trong tương lai để thanh toán các khoản nợ phải trả do nghĩa vụ đó. Dự phòng được xác định bằng cách chiết khấu các dòng tiền dự kiến phải trả trong tương lai với tỷ lệ chiết khấu trước thuế phản ánh được sự đánh giá hiện tại của thị trường về giá trị thời gian của đồng tiền và những rủi ro cụ thể với khoản nợ phải trả đó.

**(p) Thuế**

Thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên lợi nhuận hoặc lỗ của giai đoạn bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại. Thuế thu nhập doanh nghiệp được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh ngoại trừ trường hợp khoản thuế thu nhập phát sinh liên quan đến các khoản mục được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu, khi đó khoản thuế thu nhập này cũng được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế dự kiến phải nộp dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm, sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực hoặc cơ bản có hiệu lực tại ngày kết thúc niên độ kế toán, và các khoản điều chỉnh thuế phải nộp liên quan đến những năm trước.

## **Công ty Cổ phần Tập đoàn Ma San và các công ty con**

### **Thuyết minh báo cáo tài chính cho giai đoạn ba tháng kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2011 (tiếp theo)**

Thuế thu nhập hoãn lại được tính theo phương pháp bảng cân đối kế toán cho các chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản và nợ phải trả cho mục đích báo cáo tài chính và giá trị xác định theo mục đích thuế. Giá trị của thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận dựa trên cách thức thu hồi hoặc thanh toán dự kiến đối với giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản và nợ phải trả, sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực hoặc cơ bản có hiệu lực tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận trong phạm vi chắc chắn có đủ lợi nhuận chịu thuế trong tương lai để tài sản thuế thu nhập này có thể sử dụng được. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi giảm trong phạm vi không còn chắc chắn các lợi ích về thuế liên quan này sẽ được sử dụng.

#### **(q) Vốn chủ sở hữu**

##### **(i) Vốn cổ phần và thặng dư vốn cổ phần**

Cổ phiếu phổ thông được phân loại như vốn chủ sở hữu. Phần chênh lệch tăng do phát hành cổ phiếu cao hơn mệnh giá được ghi nhận vào thặng dư vốn cổ phần. Chi phí liên quan trực tiếp đến việc phát hành cổ phiếu phổ thông được ghi nhận là khoản giảm thặng dư vốn cổ phần.

##### **(ii) Vốn khác của chủ sở hữu**

Công ty ký kết các thỏa thuận phát hành một số lượng cổ phiếu nhất định vào một ngày nhất định trong tương lai để mua các tài sản. Theo các thỏa thuận này, sẽ không tồn tại các thỏa thuận thay thế nào khác và các công cụ này sẽ không làm giảm các nguồn lực kinh tế của Tập đoàn và Công ty. Tập đoàn và Công ty xem xét các quy định kế toán hiện hành để xác định phương pháp hạch toán cho các công cụ này. Tập đoàn và Công ty cũng đã xem xét các quy định kế toán liên quan khác ở các vùng lãnh thổ khác và Thông tư số 210/2009/TT-BTC phát hành ngày 6 tháng 11 năm 2009 có hiệu lực đối với các niên độ tài chính từ ngày 1 tháng 1 năm 2011. Theo các hướng dẫn và thông tư trên, các giao dịch này được ghi nhận vào vốn chủ sở hữu. Tập đoàn và Công ty không áp dụng sớm Thông tư 210. Tuy nhiên, dựa theo những hướng dẫn này, Tập đoàn và Công ty đã áp dụng chính sách kế toán đó để ghi nhận các công cụ này vào Vốn khác trong chủ sở hữu thuộc vốn chủ sở hữu để hạch toán kế toán đem lại tính so sánh và đồng nhất cho các báo cáo tài chính trong tương lai theo yêu cầu của Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 1 – *Chuẩn mực chung*.

##### **(iii) Vốn khác**

Các biến động vốn chủ sở hữu do kết quả từ việc hợp nhất kinh doanh chịu sự kiểm soát chung và việc mua hoặc chuyển nhượng lợi ích cổ đông thiểu số được ghi nhận vào Vốn khác thuộc vốn chủ sở hữu.

## **Công ty Cổ phần Tập đoàn Ma San và các công ty con**

### **Thuyết minh báo cáo tài chính cho giai đoạn ba tháng kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2011 (tiếp theo)**

#### **(r) Doanh thu**

Doanh thu bán hàng được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hoá được chuyển giao cho người mua. Doanh thu không được ghi nhận nếu như có những yếu tố không chắc chắn trọng yếu liên quan tới khả năng thu hồi các khoản phải thu hoặc liên quan tới khả năng hàng bán bị trả lại.

#### **(s) Doanh thu hoạt động tài chính và chi phí tài chính**

##### **(i) Doanh thu hoạt động tài chính**

Doanh thu hoạt động tài chính bao gồm lãi tiền gửi, lãi từ khoản cho vay, cổ tức, thu từ thanh lý các khoản đầu tư dài hạn khác và lãi chênh lệch tỷ giá. Lãi tiền gửi được ghi nhận trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo cơ sở dồn tích. Cổ tức được ghi nhận là khoản thu nhập khi quyền nhận cổ tức của Công ty hoặc Tập đoàn được xác lập.

Cổ tức nhận bằng cổ phiếu được ghi nhận trước đây là thu nhập cổ tức theo mệnh giá của cổ phiếu thu được. Vào ngày 31 tháng 12 năm 2009, Bộ Tài chính ban hành Thông tư số 244/2009/TT-BTC, yêu cầu cổ tức nhận bằng cổ phiếu không được ghi nhận là thu nhập. Việc thay đổi chính sách kế toán do những thay đổi về các quy định về kế toán không ảnh hưởng đáng kể đến báo cáo tài chính.

##### **(ii) Chi phí tài chính**

Chi phí tài chính bao gồm chi phí lãi vay và lỗ do chênh lệch tỷ giá. Chi phí lãi vay được ghi nhận là một chi phí trong giai đoạn khi chi phí này phát sinh, ngoại trừ trường hợp chi phí vay liên quan đến các khoản vay cho mục đích hình thành tài sản cố định hữu hình đủ điều kiện vốn hóa chi phí vay thì khi đó chi phí vay phát sinh trong suốt thời gian hình thành tài sản cố định sẽ được vốn hóa như một phần của nguyên giá các tài sản cố định này.

#### **(t) Các khoản thanh toán cho thuê hoạt động**

Các khoản thanh toán cho thuê hoạt động được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng dựa vào thời hạn của hợp đồng thuê. Các khoản hoa hồng cho thuê được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh như là một bộ phận hợp thành của tổng chi phí thuê.

#### **(u) Lãi trên cổ phiếu**

Tập đoàn trình bày lãi cơ bản và lãi suy giảm trên cổ phiếu (EPS) cho các cổ phiếu phổ thông. Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách lấy lãi hoặc lỗ thuộc về cổ đông phổ thông của Công ty chia cho số lượng cổ phiếu phổ thông trung bình lưu hành trong năm.

#### **(v) Các bên liên quan**

Các bên được xem là bên liên quan nếu một bên có khả năng, trực tiếp hay gián tiếp, kiểm soát bên kia hay có ảnh hưởng đáng kể đến bên kia trong việc đưa ra các quyết định tài chính và hoạt động kinh doanh. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu các bên cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

**Công ty Cổ phần Tập đoàn Ma San và các công ty con**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính cho giai đoạn ba tháng kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2011 (tiếp theo)**

**3. Tiền và các khoản tương đương tiền**

	<u>Tập đoàn</u>		<u>Công ty</u>	
	<b>31/3/2011</b>	<b>31/12/2010</b>	<b>31/3/2011</b>	<b>31/12/2010</b>
	<b>Triệu VNĐ</b>	<b>Triệu VNĐ</b>	<b>Triệu VNĐ</b>	<b>Triệu VNĐ</b>
Tiền mặt	1.587	1.448	325	59
Tiền gửi ngân hàng	3.699.581	3.393.127	1.484.849	1.037.202
Tiền đang chuyển	2.000	-	-	-
	<b>3.703.168</b>	<b>3.394.575</b>	<b>1.485.174</b>	<b>1.037.261</b>

Bao gồm trong tiền và các khoản tương đương tiền của Tập đoàn và Công ty tại ngày 31 tháng 3 năm 2011 có số ngoại tệ tương ứng xấp xỉ là 2.813 triệu VNĐ (31/12/2010: 532.095 triệu VNĐ) và không (31/12/2010: 527.493 triệu VNĐ).

**4. Phải thu khác**

	<u>Tập đoàn</u>		<u>Công ty</u>	
	<b>31/3/2011</b>	<b>31/12/2010</b>	<b>31/3/2011</b>	<b>31/12/2010</b>
	<b>Triệu VNĐ</b>	<b>Triệu VNĐ</b>	<b>Triệu VNĐ</b>	<b>Triệu VNĐ</b>
<b>Phải thu từ Công ty Cổ phần Ma San – công ty mẹ</b>				
Phi thương mại	161.060	109.561	161.060	109.561
<b>Phải thu từ các công ty liên quan khác</b>				
Phi thương mại	-	62	546.329	477.149

Khoản phải thu phi thương mại từ Công ty Cổ phần Ma San không được đảm bảo, không chịu lãi suất và được thu theo yêu cầu.

Khoản phải thu phi thương mại từ các công ty liên quan khác là khoản cho vay không được đảm bảo, chịu lãi suất năm là 15% và được thu theo yêu cầu.

**Công ty Cổ phần Tập đoàn Ma San và các công ty con**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính cho giai đoạn ba tháng kết thúc ngày 31 tháng 3 năm**  
**2011 (tiếp theo)**

**5. Hàng tồn kho**

	<u>Tập đoàn</u>		<u>Công ty</u>	
	<b>31/3/2011</b>	<b>31/12/2010</b>	<b>31/3/2011</b>	<b>31/12/2010</b>
	<b>Triệu VNĐ</b>	<b>Triệu VNĐ</b>	<b>Triệu VNĐ</b>	<b>Triệu VNĐ</b>
Hàng mua đang đi đường	9.275	40.210	-	-
Nguyên vật liệu	145.939	143.566	-	-
Công cụ và dụng cụ	455	392	-	-
Sản phẩm dở dang	23.320	54.965	-	-
Thành phẩm	156.936	57.414	-	-
	<hr/>	<hr/>	<hr/>	<hr/>
	335.925	296.547	-	-
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	(5.310)	(6.347)	-	-
	<hr/>	<hr/>	<hr/>	<hr/>
	330.615	290.200	-	-
	<hr/> <hr/>	<hr/> <hr/>	<hr/> <hr/>	<hr/> <hr/>

**Công ty Cổ phần Tập đoàn Ma San và các công ty con**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính cho giai đoạn ba tháng kết thúc ngày 31 tháng 3 năm**  
**2011 (tiếp theo)**

**6. Tài sản cố định hữu hình**

**Tập đoàn**

	<b>Nhà cửa và cấu trúc</b>	<b>Nâng cấp tài sản thuê</b>	<b>Thiết bị văn phòng</b>	<b>Máy móc và thiết bị</b>	<b>Phương tiện vận chuyển</b>	<b>Tổng</b>
	<b>Triệu VNĐ</b>	<b>Triệu VNĐ</b>	<b>Triệu VNĐ</b>	<b>Triệu VNĐ</b>	<b>Triệu VNĐ</b>	<b>Triệu VNĐ</b>
<b>Nguyên giá</b>						
Số dư đầu kỳ	182.597	6.648	23.026	547.103	17.894	777.268
Tăng trong kỳ	407	-	2.282	1.645	701	5.035
Chuyển từ xây dựng cơ bản dở dang	361	-	-	1.326	-	1.687
Thanh lý	-	-	(56)	-	(294)	(350)
Chuyển sang chi phí trả trước dài hạn	-	-	-	(110)	-	(110)
Phân loại lại từ tài sản cố định hữu hình và vô hình cho thuê tài chính	(36)	-	(256)	16.174	1.026	16.908
<b>Số dư cuối kỳ</b>	<b>183.329</b>	<b>6.648</b>	<b>24.996</b>	<b>566.138</b>	<b>19.327</b>	<b>800.438</b>
<b>Giá trị hao mòn lũy kế</b>						
Số dư đầu kỳ	23.567	2.168	9.061	170.584	10.659	216.039
Khấu hao trong kỳ	2.697	553	1.552	18.035	829	23.666
Thanh lý	-	-	(47)	-	(294)	(341)
Phân loại lại từ tài sản cố định hữu hình và vô hình cho thuê tài chính	(11)	-	(165)	5.157	408	5.389
<b>Số dư cuối kỳ</b>	<b>26.253</b>	<b>2.721</b>	<b>10.401</b>	<b>193.776</b>	<b>11.602</b>	<b>244.753</b>
<b>Giá trị còn lại</b>						
Số dư đầu kỳ	159.030	4.480	13.965	376.519	7.235	561.229
Số dư cuối kỳ	157.076	3.927	14.596	372.361	7.725	555.685

**Công ty Cổ phần Tập đoàn Ma San và các công ty con**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính cho giai đoạn ba tháng kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2011 (tiếp theo)**

**Công ty**

Tại ngày 31 tháng 3 năm 2011, Công ty đã mua thiết bị văn phòng có giá trị là 803 triệu VNĐ. Giá trị khấu hao trong giai đoạn ba tháng kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2011 là 58 triệu VNĐ. Giá trị còn lại của tài sản cố định hữu hình của Công ty tại ngày 31 tháng 3 năm 2011 là 745 triệu VNĐ .

**7. Tài sản cố định hữu hình thuê tài chính**

**Tập đoàn**

	<b>Máy móc và thiết bị Triệu VNĐ</b>
<b>Nguyên giá</b>	
Số dư đầu kỳ	16.871
Phân loại lại sang tài sản cố định hữu hình	(16.871)
	<hr/>
Số dư cuối kỳ	-
	<hr/>
<b>Giá trị hao mòn lũy kế</b>	
Số dư đầu kỳ	5.185
Khấu hao trong kỳ	201
Phân loại lại sang tài sản cố định hữu hình	(5.386)
	<hr/>
Số dư cuối kỳ	-
	<hr/>
<b>Giá trị còn lại</b>	
Số dư đầu kỳ	11.686
Số dư cuối kỳ	-
	<hr/>

Các thiết bị sản xuất này được thuê bởi một công ty con, Công ty Cổ phần Công nghiệp Ma San, theo các hợp đồng thuê tài chính với Công ty cho Thuê Tài chính Vietcombank, chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh. Vào cuối giai đoạn thuê của từng hợp đồng thuê, Công ty Cổ phần Công nghiệp Masan có quyền lựa chọn mua lại các thiết bị này theo giá ưu đãi. Thiết bị thuê này được dùng để bảo đảm cho nghĩa vụ thanh toán tiền thuê.



**Công ty Cổ phần Tập đoàn Ma San và các công ty con**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính cho giai đoạn ba tháng kết thúc ngày 31 tháng 3 năm**  
**2011 (tiếp theo)**

**8. Tài sản cố định vô hình**

**Tập đoàn**

	<b>Quyền sử dụng đất</b>	<b>Phần mềm vi tính</b>	<b>Nhãn hiệu</b>	<b>Tổng</b>
	<b>Triệu VNĐ</b>	<b>Triệu VNĐ</b>	<b>Triệu VNĐ</b>	<b>Triệu VNĐ</b>
<b>Nguyên giá</b>				
Số dư đầu kỳ	77.611	7.525	746	85.882
Tăng trong kỳ	-	59	-	59
Chuyển sang chi phí trả trước dài hạn	-	-	(201)	(201)
Phân loại lại sang tài sản cố định hữu hình	-	(37)	-	(37)
<b>Số dư cuối kỳ</b>	<b>77.611</b>	<b>7.547</b>	<b>545</b>	<b>85.703</b>
<b>Giá trị hao mòn lũy kế</b>				
Số dư đầu kỳ	10.066	2.934	318	13.318
Khấu hao trong kỳ	426	594	27	1.047
Chuyển sang chi phí trả trước dài hạn	-	-	(72)	(72)
Phân loại lại sang tài sản cố định hữu hình	-	(3)	-	(3)
<b>Số dư cuối kỳ</b>	<b>10.492</b>	<b>3.525</b>	<b>273</b>	<b>14.290</b>
<b>Giá trị còn lại</b>				
Số dư đầu kỳ	67.545	4.591	428	72.564
Số dư cuối kỳ	67.119	4.022	272	71.413

Tại ngày 31 tháng 3 năm 2011, quyền sử dụng đất với giá trị ghi sổ là 39.600 triệu VNĐ (31/12/2010: 39.856 triệu VNĐ) được thế chấp tại ngân hàng để bảo đảm cho các khoản vay của Tập đoàn.

**Công ty**

Tại ngày 31 tháng 3 năm 2011, Công ty mua phần mềm vi tính với trị giá 234 triệu VNĐ. Giá trị khấu hao trong kỳ ba tháng kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2011 là 20 triệu VNĐ. Giá trị còn lại của tài sản cố định vô hình của Công ty tại ngày 31 tháng 3 năm 2011 là 214 triệu VNĐ.

**Công ty Cổ phần Tập đoàn Ma San và các công ty con**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính cho giai đoạn ba tháng kết thúc ngày 31 tháng 3 năm**  
**2011 (tiếp theo)**

**9. Xây dựng cơ bản dở dang**

	<b>Tập đoàn</b> <b>31/3/2011</b> <b>Triệu VNĐ</b>	<b>Công ty</b> <b>31/3/2011</b> <b>Triệu VNĐ</b>
Số dư đầu kỳ	7.616.520	1.569
Tăng trong kỳ	158.770	97
Chuyển sang tài sản cố định hữu hình	(1.687)	-
Chuyển sang chi phí trả trước dài hạn	(3.690)	-
	<hr/>	<hr/>
Số dư cuối kỳ	7.769.913	1.666

**10. Các khoản đầu tư**

	<b>Tập đoàn</b>		<b>Công ty</b>	
	<b>31/3/2011</b>	<b>31/12/2010</b>	<b>31/3/2011</b>	<b>31/12/2010</b>
	<b>Triệu VNĐ</b>	<b>Triệu VNĐ</b>	<b>Triệu VNĐ</b>	<b>Triệu VNĐ</b>
<b>Đầu tư dài hạn</b>				
Đầu tư vào công ty con	-	-	10.557.997	10.557.997
Đầu tư vào công ty liên kết	8.966.134	8.099.909	8.932.424	8.103.981
	<hr/>	<hr/>	<hr/>	<hr/>
	8.966.134	8.099.909	19.490.421	18.661.978
<b>Đầu tư ngắn hạn</b>				
Tiền gửi có kỳ hạn tại ngân hàng	761.000	490.000	-	-
Đầu tư vào các công cụ nợ	500.000	-	500.000	-
	<hr/>	<hr/>	<hr/>	<hr/>
	1.261.000	490.000	500.000	-

Chi tiết các khoản đầu tư vào các công ty con của Công ty như sau:

<b>Tên</b>	<b>31/3/2011</b> <b>Triệu VNĐ</b>	<b>31/12/2010</b> <b>Triệu VNĐ</b>
Công ty Cổ phần Hàng Tiêu dùng Ma San	8.400.824	8.400.824
Công ty TNHH Một Thành viên Tư vấn Hoa Bằng Lăng	516.600	516.600
Công ty TNHH Một Thành viên Tư vấn Hoa Phong Lan	441.200	441.200
Công ty Cổ Phần Tầm Nhìn Ma San	1.199.373	1.199.373
	<hr/>	<hr/>
	10.557.997	10.557.997

## **Công ty Cổ phần Tập đoàn Ma San và các công ty con**

### **Thuyết minh báo cáo tài chính cho giai đoạn ba tháng kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2011 (tiếp theo)**

Vào ngày 31 tháng 3 năm 2011, Công ty nắm giữ 86.6% lợi ích kinh tế trong Công ty CP Hàng Tiêu dùng Ma san.

Vào ngày 17 tháng 12 năm 2010, một nhà đầu tư đã ký kết một thỏa thuận với Công ty Cổ Phần Tài Nguyên Ma San ("MR") để đầu tư khoản tiền VNĐ tương đương 100 triệu Đô la Mỹ cho cổ phiếu phổ thông phát hành mới của MR, đại diện cho 20% quyền sở hữu. Giao dịch này được kết thúc vào ngày 16 tháng 3 năm 2011. Trong giao dịch này, Công ty Cổ Phần Tầm Nhìn Ma San ("MHC") đầu tư 487.500 triệu VNĐ trong MR cho cổ phiếu phổ thông phát hành mới với mức giá đầu tư ngang giá. Kết quả là, quyền sở hữu của Tập đoàn trong MR bị suy giảm từ 80% xuống 65%. Công ty cũng cấp cho một nhà đầu tư một quyền chọn bán để bán 20% quyền sở hữu trong MR cho Công ty để đổi lấy cổ phiếu của Công ty nếu MR không được niêm yết trên một sàn giao dịch được quốc tế công nhận trong vòng 4,5 năm sau ngày giao dịch kết thúc. Số lượng cổ phiếu được phát hành trong trường hợp quyền chọn bán được thực hiện sẽ được tính dựa trên giá giao dịch của cổ phần của Công ty và số cổ phiếu này cho phép các nhà đầu tư đạt được mức tỷ suất sinh lời nội bộ hàng năm là 15%.

Đầu tháng 1 năm 2011, khoản đầu tư vào công ty liên kết phản ánh 28.74% lợi ích vốn chủ sở hữu trực tiếp của Công ty vào Ngân hàng Thương mại Cổ phần Kỹ thương Việt Nam ("Techcombank"). Vào ngày 10 tháng 1 năm 2011, Công ty đã ký hợp đồng mua 2.834.402 trái phiếu từ các trái chủ khác và sẽ chuyển đổi các trái phiếu trên sang cổ phiếu phổ thông của Techcombank một cách bắt buộc và không thể hủy ngang. Việc mua bao gồm 17.352 triệu VNĐ, trả trong vòng sáu tháng, và một hợp đồng phát hành 10.814.545 cổ phiếu mới của Công ty trong vòng 18 tháng bắt đầu từ ngày 10 tháng 1 năm 2011. Kết quả là, Tập đoàn đã tăng lợi ích kinh tế thực tế trong Techcombank lên 30,84%.

Tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn là khoản tiền gửi có kỳ hạn ban đầu trên ba tháng tính từ ngày giao dịch. Khoản tiền này bằng Đồng Việt Nam và hưởng lãi suất từ 8,5% to 13,6% một năm trong giai đoạn ba tháng kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2011 (2010: 11%).

Đầu tư vào các công cụ tài chính hưởng lãi suất 15% một năm với hạn mức 1 năm từ ngày giao dịch.

**Công ty Cổ phần Tập đoàn Ma San và các công ty con**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính cho giai đoạn ba tháng kết thúc ngày 31 tháng 3 năm**  
**2011 (tiếp theo)**

**11. Lợi thế thương mại**

	<b>Triệu VNĐ</b>
<b>Nguyên giá</b>	
Số dư đầu năm/số dư cuối kỳ	5.954
	<hr/>
<b>Giá trị hao mòn lũy kế</b>	
Số dư đầu kỳ	2.382
Phân bổ trong kỳ	148
	<hr/>
Số dư cuối kỳ	2.530
	<hr/>
<b>Giá trị còn lại</b>	
Số dư đầu kỳ	3.572
Số dư cuối kỳ	3.424
	<hr/>

**12. Thuế phải nộp Ngân sách Nhà nước**

	<b>Tập đoàn</b>		<b>Công ty</b>	
	<b>31/3/2011</b>	<b>31/12/2010</b>	<b>31/3/2011</b>	<b>31/12/2010</b>
	<b>Triệu VNĐ</b>	<b>Triệu VNĐ</b>	<b>Triệu VNĐ</b>	<b>Triệu VNĐ</b>
Thuế thu nhập doanh nghiệp	34.383	104.132	-	5
Thuế giá trị gia tăng	20.507	25.378	282	-
Thuế xuất nhập khẩu	855	1.292	-	-
Thuế thu nhập cá nhân	587	-	-	-
Thuế khác	10.488	22.040	594	1.355
	<hr/>	<hr/>	<hr/>	<hr/>
	66.820	152.842	876	1.360
	<hr/>	<hr/>	<hr/>	<hr/>

**Công ty Cổ phần Tập đoàn Ma San và các công ty con**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính cho giai đoạn ba tháng kết thúc ngày 31 tháng 3 năm**  
**2011 (tiếp theo)**

**13. Chi phí phải trả**

	<u>Tập đoàn</u>		<u>Công ty</u>	
	<b>31/3/2011</b>	<b>31/12/2010</b>	<b>31/3/2011</b>	<b>31/12/2010</b>
	<b>Triệu VNĐ</b>	<b>Triệu VNĐ</b>	<b>Triệu VNĐ</b>	<b>Triệu VNĐ</b>
Chi phí quảng cáo và khuyến mãi	149.720	192.374	-	-
Lãi vay phải trả	241.978	146.578	227.991	141.569
Chiết khấu hàng bán	-	51.362	-	-
Chi phí vận chuyển	35.191	25.516	-	-
Thưởng và lương tháng 13	-	18.163	-	712
Phí tư vấn	24.895	18.326	24.895	18.326
Thuế nhà thầu	-	15.367	-	14.805
Hóa đơn chưa xuất	42.429	-	-	-
Chi phí khác	12.370	35.152	-	255
	<b>506.583</b>	<b>502.838</b>	<b>252.886</b>	<b>175.667</b>

**14. Phải trả khác**

	<u>Tập đoàn</u>		<u>Công ty</u>	
	<b>31/3/2011</b>	<b>31/12/2010</b>	<b>31/3/2011</b>	<b>31/12/2010</b>
	<b>Triệu VNĐ</b>	<b>Triệu VNĐ</b>	<b>Triệu VNĐ</b>	<b>Triệu VNĐ</b>
Phải trả cho hoạt động tài chính	-	980.003	-	980.003
Phải trả khác	5.858	7.585	249	2.648
	<b>5.858</b>	<b>987.588</b>	<b>249</b>	<b>982.651</b>

**Công ty Cổ phần Tập đoàn Ma San và các công ty con**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính cho giai đoạn ba tháng kết thúc ngày 31 tháng 3 năm**  
**2011 (tiếp theo)**

**15. Dự phòng trợ cấp thôi việc**

Biến động dự phòng trợ cấp thôi việc trong giai đoạn ba tháng kết thúc vào ngày 31 tháng 3 năm 2011 như sau:

	<u>Tập đoàn</u> <b>2011</b> <b>Triệu VNĐ</b>	<u>Công ty</u> <b>2011</b> <b>Triệu VNĐ</b>
Số dư đầu kỳ	4.552	-
Trích lập dự phòng trong kỳ	-	-
Sử dụng dự phòng trong kỳ	(162)	-
	<hr/>	<hr/>
Số dư cuối kỳ	4.390	-
	<hr/>	<hr/>

Theo Bộ luật Lao động Việt Nam, khi nhân viên làm việc cho công ty từ 12 tháng trở lên (“nhân viên đủ điều kiện”) tự nguyện chấm dứt hợp đồng lao động của mình thì bên sử dụng lao động phải thanh toán tiền trợ cấp thôi việc cho nhân viên đó tính dựa trên số năm làm việc và mức lương tại thời điểm thôi việc của nhân viên đó. Dự phòng trợ cấp thôi việc được lập trên cơ sở mức lương hiện tại của nhân viên và thời gian họ làm việc cho Công ty.

Theo Luật Bảo hiểm Xã hội, kể từ ngày 1 tháng 1 năm 2009, Tập đoàn và các nhân viên phải đóng vào quỹ bảo hiểm thất nghiệp do Bảo hiểm Xã hội Việt Nam quản lý. Mức đóng bởi mỗi bên được tính bằng 1% của mức thấp hơn giữa lương cơ bản của nhân viên hoặc 20 lần mức lương tối thiểu chung được Chính phủ quy định trong từng thời kỳ. Với việc áp dụng chế độ bảo hiểm thất nghiệp, Tập đoàn không phải lập dự phòng trợ cấp thôi việc cho thời gian làm việc của nhân viên sau ngày 1 tháng 1 năm 2009. Tuy nhiên, trợ cấp thôi việc phải trả cho các nhân viên đủ điều kiện hiện có tại thời điểm 31 tháng 12 năm 2008 sẽ được xác định dựa trên số năm làm việc của nhân viên được tính đến 31 tháng 12 năm 2008 và mức lương bình quân của họ trong vòng sáu tháng trước thời điểm thôi việc.

**Công ty Cổ phần Tập đoàn Ma San và các công ty con**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính cho giai đoạn ba tháng kết thúc ngày 31 tháng 3 năm**  
**2011 (tiếp theo)**

**16. Vốn cổ phần và thặng dư vốn**

Vốn cổ phần được duyệt và đã phát hành của Công ty là:

	31/3/2011		31/12/2010	
	Số lượng cổ phiếu	Triệu VNĐ	Số lượng cổ phiếu	Triệu VNĐ
<b>Vốn cổ phần được duyệt</b>	515.272.269	5.152.723	515.272.269	5.152.723
<b>Vốn cổ phần đã phát hành</b>				
Cổ phiếu phổ thông	515.272.269	5.152.723	515.272.269	5.152.723
<b>Thặng dư vốn cổ phần</b>	-	2.166.136	-	2.166.136

Thặng dư vốn cổ phần là phần chênh lệch giữa giá bán và mệnh giá của các cổ phiếu được phát hành.

Cổ phiếu phổ thông có mệnh giá là 10.000 VNĐ. Mỗi cổ phiếu phổ thông tương ứng với một phiếu biểu quyết tại các cuộc họp cổ đông của Công ty. Các cổ đông được nhận cổ tức mà Công ty công bố vào từng thời điểm. Tất cả cổ phiếu phổ thông đều có thứ tự ưu tiên như nhau đối với tài sản còn lại của Công ty. Các quyền lợi của các cổ phiếu đã được Công ty mua lại đều bị tạm ngừng cho tới khi chúng được phát hành lại.

Biến động vốn cổ phần trong giai đoạn ba tháng kết thúc vào ngày 31 tháng 3 năm 2011 như sau:

	2011		2010	
	Số lượng cổ phiếu	Triệu VNĐ	Số lượng cổ phiếu	Triệu VNĐ
Số dư đầu kỳ	515.272.269	5.152.723	485.399.820	4.853.998
Phát hành cổ phiếu mới bằng tiền mặt	-	-	29.872.449	298.725
Số dư cuối kỳ	515.272.269	5.152.723	515.272.269	5.152.723

**Công ty Cổ phần Tập đoàn Ma San và các công ty con**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính cho giai đoạn ba tháng kết thúc ngày 31 tháng 3 năm**  
**2011 (tiếp theo)**

**17. Vốn khác của chủ sở hữu**

Vốn khác của chủ sở hữu phản ánh giá trị hợp lý của cổ phiếu của Công ty sẽ được phát hành sau khi mua tài sản liên quan đến công ty con và công ty liên kết. Giá trị hợp lý của các cổ phiếu này đã được tính tại ngày mua.

	<b>Ngày phát hành</b>	<b>Số lượng cổ phiếu</b>
Mua thêm 16% lợi ích kinh tế của Công ty Cổ phần Hàng Tiêu dùng Ma San	Ngày 24 tháng 6 năm 2014	88.411.350
Mua 15% lợi ích kinh tế của NPV	Ngày 15 tháng 10 năm 2012	22.629.310
Mua 16.334.402 trái phiếu chuyển đổi của Ngân hàng Techcombank	Ngày 30 tháng 6 năm 2012	43.353.045

**18. Tổng doanh thu**

Tổng doanh thu thể hiện tổng giá trị hàng bán và dịch vụ đã cung cấp được ghi trên hóa đơn không bao gồm thuế giá trị gia tăng.

**19. Doanh thu hoạt động tài chính**

	<b>Tập đoàn</b>		<b>Công ty</b>	
	<b>Từ 1/1/2011 đến 31/3/2011 Triệu VNĐ</b>	<b>Từ 1/1/2010 đến 31/3/2010 Triệu VNĐ</b>	<b>Từ 1/1/2011 đến 31/3/2011 Triệu VNĐ</b>	<b>Từ 1/1/2010 đến 31/3/2010 Triệu VNĐ</b>
Thu từ lãi vay	135.034	40.864	36.239	12.308
Lãi chênh lệch tỷ giá	24.906	717	23.959	246
Doanh thu hoạt động tài chính khác	26.951	23.779	26.797	23.624
	<b>186.891</b>	<b>65.360</b>	<b>86.995</b>	<b>36.178</b>



**Công ty Cổ phần Tập đoàn Ma San và các công ty con**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính cho giai đoạn ba tháng kết thúc ngày 31 tháng 3 năm**  
**2011 (tiếp theo)**

**20. Chi phí tài chính**

	<u>Tập đoàn</u>		<u>Công ty</u>	
	Từ 1/1/2011 đến 31/3/2011 Triệu VNĐ	Từ 1/1/2010 đến 31/3/2010 Triệu VNĐ	Từ 1/1/2011 đến 31/3/2011 Triệu VNĐ	Từ 1/1/2010 đến 31/3/2010 Triệu VNĐ
Chi phí lãi vay	83.947	43.847	51.493	23.625
Lỗ do chênh lệch tỷ giá	38.407	5.727	36.090	-
Chi phí tài chính khác	16.945	41	16.945	-
	139.299	49.615	104.528	23.625

**21. Thu nhập khác**

	<u>Tập đoàn</u>		<u>Công ty</u>	
	Từ 1/1/2011 đến 31/3/2011 Triệu VNĐ	Từ 1/1/2010 đến 31/3/2010 Triệu VNĐ	Từ 1/1/2011 đến 31/3/2011 Triệu VNĐ	Từ 1/1/2010 đến 31/3/2010 Triệu VNĐ
Thu từ bán phế liệu	7.187	2.713	-	-
Thu khác	-	1.715	-	-
	7.187	4.428	-	-

**22. Chi phí khác**

	<u>Tập đoàn</u>		<u>Công ty</u>	
	Từ 1/1/2011 đến 31/3/2011 Triệu VNĐ	Từ 1/1/2010 đến 31/3/2010 Triệu VNĐ	Từ 1/1/2011 đến 31/3/2011 Triệu VNĐ	Từ 1/1/2010 đến 31/3/2010 Triệu VNĐ
Giá trị còn lại của tài sản cố định hữu hình đã thanh lý	9	-	-	-
Giá bán phế liệu	6.577	2.577	-	-
Chi phí khác	-	1.703	-	-
	6.586	4.280	-	-

**Công ty Cổ phần Tập đoàn Ma San và các công ty con**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính cho giai đoạn ba tháng kết thúc ngày 31 tháng 3 năm**  
**2011 (tiếp theo)**

**23. Lợi nhuận từ công ty liên kết**

	<u>Tập đoàn</u>		<u>Công ty</u>	
	Từ 1/1/2011 đến 31/3/2011 Triệu VND	Từ 1/1/2010 đến 31/3/2010 Triệu VND	Từ 1/1/2011 đến 31/3/2011 Triệu VND	Từ 1/1/2010 đến 31/3/2010 Triệu VND
Lợi nhuận từ công ty liên kết	181.831	76.494	-	-
Phân bổ lợi thế thương mại	(144.049)	(63.488)	-	-
	37.782	13.006	-	-

**24. Chi phí thuế hiện hành**

Chi phí thuế hiện hành quý 1 năm 2011 của Tập đoàn là 45.039 triệu VND.

**25. Lãi trên cổ phiếu**

Việc tính toán lãi cơ bản trên cổ phiếu tại ngày 31 tháng 3 năm 2011 dựa trên số lợi nhuận thuộc về cổ đông phổ thông của Tập đoàn là 337.818 triệu VND (31/3/2010: 96.571 triệu VND) và số lượng cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền trong quý là 515.272.269 cổ phiếu (31/3/2010: 485.399.820 cổ phiếu).

Người lập:



Tạ Thị Thùy Trang  
Kế toán trưởng

Người duyệt:

  


Nguyễn Đăng Quang  
Chủ tịch